TÒA ÁN NHÂN DÂN
Thành phố Q
tỉnh Bình Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 202/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** **:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Đông Thiên
- Các *hội thẩm nhân dân*: 1.Bà Trần Thị Bích Hợp
  2. Bà Hoàng Thị Thành
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Quang Trí - Thư ký TAND thành phố Q

-Đại diện VKSND thành phố Q: Bà Nguyễn Hồng Phúc - kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2018/TLST-DS ngày 26.12.2018 về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXX-ST ngày 18.7.2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh T - SN: 1968
Địa chỉ : tổ A, KVB, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Bị đơn : Chị Phạm Thị T1 - SN: 1975
Địa chỉ : 194 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định\

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:
Chị Hoàng Thị Ánh T2 - SN: 1969
Địa chỉ: 388 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định
(Chị T, chị T2 có mặt, chị T1 vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05.10.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa phía nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Chị và chị Phạm Thị T1 có quan hệ là bạn bè, nên chị có cho chị T1 mượn 3 lần tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 01.10.2016, số tiền 10.000.000đ, chị T1 có viết giấy nợ

Lần thứ hai vào ngày 17.12.2017(AL), số tiền 20.000.000đ, giữa hai bên không có viết giấy nợ

Lần thứ ba vào ngày 16.3.2018, số tiền 10.000.000đ, giữa hai bên không có viết giấy nợ

Chị có đơn khởi kiện chị Phạm Thị T1 ra Tòa vì chị T1 hẹn nhiều lần mà không trả nợ; chị T1 có trả cho chị 10.000.000đ vào ngày 05.11.2018 đối với số tiền vay mượn ngày 01.10.2016, còn 2 khoản vay còn lại chị T1 không trả.

Nay chị yêu cầu chị Phạm Thị T1 trả cho chị số tiền 30.000.000đ đối với hai khoản nợ còn lại, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa phía bị đơn chị Phạm Thị T1 trình bày:

Chị thừa nhận có vay mượn tiền nơi chị T vào ngày 01.10.2016, số tiền 10.000.000đ và chị xác nhận giấy mượn tiền do chị viết và ký tên. Chị T có đơn khởi kiện ra Tòa nên ngày 05.11.2018 chị đã trả cho chị T số tiền 10.000.000đ, hiện nay chị không còn nợ nần gì nơi chị T nữa.

Ngoài ra, chị T còn khai báo với Tòa chị có vay mượn ngày 17.12.2017 (AL) số tiền 20.000.000đ và ngày 16.3.2018, số tiền 10.000.000đ là không có.

Nay qua yêu cầu của chị T đòi chị trả 30.000.000đ, chị không chấp nhận vì chị không có vay khoản tiền trên.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Ánh T2 trình bày:

Chị và chị T là chổ bạn bè thân nên chị có cho chị T mượn 2 tiền; lần 1: vào ngày 17.12.2017 (AL) số tiền 20.000.000đ chị T nói với chị cho chị Phạm Thị T1 mượn, cụ thể trực tiếp chị đưa tiền cho chị Phạm Thị T1; lần 2: vào ngày 16.3.2018 số tiền 10.000.000đ chị T nói với chị cho chị Phạm Thị T1 mượn, cụ thể trực tiếp chị đưa tiền cho chị T. Cả 2 lần mượn tiền hai bên không có viết giấy tờ

Nay chị không yêu cầu Tòa giải quyết, để chị và chị T tự giải quyết sau.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên Tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu nguyên đơn 20.000.000đ, bác yêu cầu 10.000.000đ; án phí chị T, chị Phạm Thị T1 chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T có cho chị Phạm Thị T1 vay mượn tiền, nhưng khi chị T cần tiền thì chị Phạm Thị T1 không trả là vi phạm thoả thuận, vi phạm pháp luật dân sự quy định tại điều 463 BLDS, nên chị T khởi kiện ra Toà, vì vậy vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Chị T theo đơn khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị T1 trả số tiền 40.000.000đ trong đó 10.000.000đ có giấy nợ, 30.000.000đ không có giấy nợ; còn chị Phạm Thị T1 chỉ chấp nhận số nợ 10.000.000đ có giấy nợ và đã trả xong ngày 05.11.2018.

Giữa hai bên đều thống nhất số tiền nợ 10.000.000đ theo giấy nợ ghi ngày 01.10.2016 và chị Phạm Thị T1 đã trả xong, chị T không yêu cầu xem xét khoản tiền này nên HĐXX chấp nhận không xem xét.

Đối với số nợ không có giấy tờ theo chị T khai là 30.000.000đ trong đó ngày 17.12.2017(AL), số tiền 20.000.000đ và ngày 16.3.2018, số tiền 10.000.000đ; giữa hai bên không có viết giấy tờ. Chị Phạm Thị T1 không thừa nhận số nợ không có giấy tờ 30.000.000đ như lời chị T khai báo nên tòa đưa ra xét xử công khai.

Tòa xét:

[3] Đối với số tiền 20.000.000đ Chị T khai cho chị Phạm Thị T1 mượn vào ngày 17.12.2017(AL) tức ngày 02.02.2018(DL), giữa hai bên không có lập giấy tờ vay mượn, chị T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ việc chị Phạm Thị T1 vay mượn tiền mà có cung cấp chị Hoàng Thị Ánh T2 người đưa tiền cho chị T mượn để chị T đưa cho chị Phạm Thị T1. Chị Hoàng Thị Ánh T2 khai ngày 03.01.2019 và Tòa lấy lời khai ngày 07.5.2019 cũng như lời khai chị Hoàng Thị Ánh T2 tại phiên Tòa đều xác nhận *chị Phạm Thị T1 chở chị Hoàng Thị Ánh T2 từ đường X về nhà chị Hoàng Thị Ánh T2 tại 388 đường T, thành phố Quy Nhơn; chị Hoàng Thị Ánh T2 đưa trực tiếp tại trước nhà (388 đường T) 20.000.000đ, loại tiền mệnh giá 200.000đ cho chị Phạm Thị T1*. Đối với chị T ghi thêm trên giấy mượn tiền ngày 01.10.2016 là *chị Hoàng Thị Ánh T2 giao cho chị T1 20.000.000đ tại đường H;* tại bản khai ngày 26.12.2018 chị T khai *chị Phạm Thị T1 chở chị Hoàng Thị Ánh T2 từ đường H về nhà chị Hoàng Thị Ánh T2 tại 388 đường T, thành phố Quy Nhơn lấy 20.000.000đ; sau đó chị Phạm Thị T1 chở chị Hoàng Thị Ánh T2 quay lại quán nước đường H chị Hoàng Thị Ánh T2 đưa tiền có mặt 3 người (chị Phạm Thị T1, chị T và chị Hoàng Thị Ánh T2).* Tòa đã cho tiến hành đối chất 3 người gồm chị T, chị Phạm Thị T1 và chị Hoàng Thị Ánh T2 vào ngày 07.5.2019 và ngày 01.7.2019 nhưng chị Phạm Thị T1 vắng mặt, Tòa không thể tiến hành đối chất được 3 bên. Qua lời khai chị T và chị Hoàng thị Ánh T2 tuy có sự sai lệch về địa điểm giao tiền, về người đưa tiền nhưng có sự việc mượn tiền; mặc khác chị Phạm Thị T1 né tránh không đến Tòa đối chất, hòa giải làm rỏ số tiền chị T yêu cầu.

Qua xem xét HĐXX thấy tuy thời gian giao tiền có khác nhau nhưng thực tế chị T có mượn tiền chị Hoàng Thị ánh T2 giao tiền cho chị Phạm Thị T1 nên chấp nhận lời khai của chị T.

[4] Đối với số tiền 10.000.000đ Chị T khai cho chị Phạm Thị T1 mượn vào ngày 16.3.2018, giữa hai bên không có lập giấy tờ vay mượn, nhưng chị T không cung cấp thêm chứng cứ việc chị T1 vay mượn tiền; Tại Tòa, chị T thừa nhận nguồn tiền 10.000.000đ chị mượn của chị Hoàng Thị Ánh T2 và được chị Hoàng Thị Ánh T2 thừa nhận là đúng; tại bản khai ngày 26.12.2018 chị T khai giao cho chị Phạm Thị T1 tại số nhà 12 đường T, thành phố Quy Nhơn, khi giao tiền có chị T3 là bạn chị Phạm Thị T1 chứng kiến. Tòa đã yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ chị T3 và Tòa cho chị T thời gian nhưng chị T không cung cấp được họ và tên, địa chỉ chị T3; tại phiên Tòa đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn cũng yêu cầu chị T cung cấp địa chỉ chị T3; Tòa qua xác minh địa phương biết chị Nguyễn Thị Chi T3 có địa chỉ 12/7 đường N, thành phố Quy Nhơn thuộc tổ C, KVD, phường L, thành phố Quy Nhơn, Tòa đã phối hợp cùng địa phương đến nhà chị T3 lấy lời khai, chị T3 tuy có hộ khẩu tại địa phương nhưng thường xuyên không có mặt tại nhà, chị T3 làm gì và ở đâu địa phương không biết nên Tòa lấy lời khai chị T3 không được. Qua phân tích trên chị T không cung cấp được giấy nợ, không có nhân chứng chứng kiến nên HĐXX không có cơ sở xem xét yêu cầu 10.000.000đ này của chị T được.

[5] Ngoài ra, chị T khi khởi kiện pho to giấy nợ 10.000.000đ ngày 01.10.2016 sửa số thành 40.000.000đ và sau đó tiếp tục tự ý điền thêm thông tin vay 2 khoản 30.000.000đ vào giấy nợ pho to ngày 01.10.2016 để nộp bổ sung cho Tòa. Khi Tòa yêu cầu cung cấp bản chính giấy vay tiền chị T đã thừa nhận bản thân tự ý sửa số, tự ý điền thêm thông tin vào giấy nợ ngày 01.10.2016 sau khi photo. Ý thức chị T không trung thực, có hành vi gian dối khi khởi kiện vụ án.

[6] Đối với việc chị Hoàng Thị Ánh T2 cho chị Huỳnh Thị T vay 2 lần tiền để chị T cho chị Phạm Thị T1 vay lại; chị Hoàng Thị Ánh T2 không có yêu cầu đòi nợ số tiền nơi chị T và theo chị để 2 bên tự giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này, nếu sau này chị Hoàng Thị Ánh T2 có yêu cầu thì làm đơn khởi kiện và Tòa sẽ giải quyết bằng một vụ án khác

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên Tòa phát biểu về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm : Áp dụng khoản 3 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chị T phải chịu 500.000đ, chị Phạm Thị Ánh T1 chịu 1.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự - 2015

Căn cứ Điều 463, 469 Bộ luật dân sự - 2015

Áp dụng khoản 3 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Buộc chị Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Thanh T số tiền 20.000.000đ

2. Bác lời khai chị Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu chị Phạm Thị T1 trả 10.000.000đ vì không đúng quy định pháp luật

3. Bác một phần lời khai chị Phạm Thị T1 không chấp nhận số nợ 30.000.000đ vì không đúng quy định pháp luật

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Phạm Thị T1 phải chịu 1.000.000đ án phí DSST

Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 500.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 750.000đ theo biên lai thu tiền số 0000806 ngày 25.12.2018 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Q nên chị T còn nhận 250.000đ.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Trần Đông Thiên